



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1254/2009/TĐBV-QHCC
V/v: đăng ký công bố thông tin
qua Website của UBCK NN

Hà Nội, ngày 27 tháng 11 năm 2009

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

1. Công ty : Tập đoàn Bảo Việt
2. Trụ sở chính : 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
3. Điện thoại : (84.4) 3928 9999
4. Fax : (84.4) 3928 9609
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Khắc Dũng
6. Địa chỉ : 8 Lê Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
7. Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): di động 0904999698
8. Nội dung thông tin công bố:

**Công bố Báo cáo Tài chính tóm lược – Công ty Mẹ (9 tháng đầu năm 2009) và
Báo cáo Tài chính hợp nhất tóm lược (9 tháng đầu năm 2009)
(đính kèm)**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Người thực hiện công bố thông tin

Phạm Khắc Dũng



GIAM ĐỐC HOẠT ĐỘNG

Phạm Khắc Dũng



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BỐ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT 9 THÁNG 2009
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM LƯỢC (đã soát xét)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	NỘI DUNG	Ngày 30/09/2009	Ngày 31/12/2008
A	TÀI SẢN		
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	12.608.541.139.758	9.240.785.580.591
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.770.501.193.406	480.836.990.174
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	7.331.329.126.202	6.553.383.666.012
3	Các khoản phải thu	2.466.421.627.524	2.142.913.123.378
4	Hàng tồn kho	26.574.227.283	24.620.153.079
5	Tài sản ngắn hạn khác	13.714.965.343	39.031.647.948
II	CHO VAY VÀ ỨNG TRƯỚC CHO KHÁCH HÀNG	1.732.976.549.253	
III	TÀI SẢN DÀI HẠN	16.355.851.752.413	16.076.789.827.355
1	Tài sản cố định	1.547.248.522.965	1.208.962.426.952
2	Bất động sản đầu tư	23.448.947.000	23.448.947.000
3	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14.732.249.805.222	14.787.789.134.320
4	Tài sản dài hạn khác	52.904.477.226	56.589.319.083
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	30.697.369.441.424	25.317.575.407.946
B	NGUỒN VỐN		
I	NỢ PHẢI TRẢ	21.012.394.795.215	16.526.705.083.134
1	Nợ ngắn hạn	1.974.957.156.676	1.039.136.692.088
2	Nợ dài hạn	49.670.229.929	47.074.847.732
3	Tiền gửi của khách hàng và các tổ chức tín dụng khác	2.013.545.447.081	
4	Dự phòng nghiệp vụ	16.974.221.961.529	15.440.493.543.314
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	8.338.073.081.220	8.301.511.202.912
1	Vốn chủ sở hữu	8.315.246.995.269	8.265.011.167.953
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.730.266.050.000	5.730.266.050.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	1.838.247.621.144	1.840.007.252.773
	- Cổ phiếu ngân quỹ	-	901.691.533
	- Chênh lệch tỷ giá	15.605.708.328	16.075.608.000
	- Quỹ đầu tư phát triển	8.738.724.280	8.609.458.421
	- Quỹ dự phòng tài chính	8.659.789.925	8.609.458.421
	- Quỹ dự trữ bắt buộc	40.083.946.157	17.067.266.899
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	673.645.155.435	643.474.381.906
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	22.826.085.951	36.500.034.959
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22.826.085.951	36.500.034.959
III	LỢI ÍCH CÔ ĐỒNG THIỂU SỐ	1.346.901.564.989	489.359.121.900
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	30.697.369.441.424	25.317.575.407.946

7/1



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: VND

STT	CHỈ TIÊU	Cho giai đoạn tài chính từ 01/01/2009 đến 30/09/2009	Cho giai đoạn tài chính từ 16/10/2007 đến 31/12/2008
1	Tổng doanh thu	7.737.861.211.863	11.808.547.621.206
1.1	Doanh thu hoạt động bảo hiểm	5.637.035.303.948	8.469.233.270.575
1.2	Doanh thu thuần hoạt động ngân hàng	131.435.770.773	-
1.3	Doanh thu hoạt động tài chính	1.858.135.580.643	3.293.074.253.306
1.4	Doanh thu khác	111.254.556.499	46.240.097.325
2	Tổng chi phí	(6.825.176.513.807)	(11.305.880.690.441)
2.1	Chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(4.707.523.349.245)	(7.072.691.456.950)
2.2	Chi phí quản lý liên quan đến hoạt động ngân hàng	(39.683.184.373)	-
2.3	Chi phí cho hoạt động đầu tư tài chính	(853.396.965.178)	(2.676.612.162.993)
2.4	Chi phí quản lý & chi phí bán hàng	(1.212.291.843.517)	(1.555.802.594.974)
2.5	Chi phí khác	(12.281.171.494)	(774.475.524)
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	912.684.698.056	502.666.930.765
4	Dự phòng bảo đảm cân đối	(4.174.857.281)	(1.929.207.757)
5	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(148.500.314.386)	(147.692.181.049)
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(27.488.765.294)
7	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	760.009.526.389	325.556.776.665
8	Lợi ích của cổ đông thiểu số	118.269.054.739	(203.923.817.627)
9	Lợi nhuận sau thuế của chủ sở hữu, Tập đoàn Bảo Việt	641.740.471.650	529.480.594.292

74



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BỐ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CÔNG TY ME 9 THÁNG 2009
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM LƯỢC 9 THÁNG 2009 (đã soát xét)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: VND

STT	Nội dung	Ngày 30/09/2009	Ngày 31/12/2008
A	TÀI SẢN		
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.487.633.332.097	3.515.843.520.815
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	443.800.688.435	56.469.344.502
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	2.844.151.421.217	2.892.065.521.834
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	198.180.129.243	565.626.682.480
4	Hàng tồn kho	979.720.850	980.305.850
5	Tài sản ngắn hạn khác	521.372.352	701.666.149
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	6.048.645.432.940	6.335.603.316.393
1	Tài sản cố định	393.552.513.828	290.763.020.487
	- Tài sản cố định hữu hình	138.179.959.786	143.673.759.037
	- Tài sản cố định vô hình	13.613.386.325	17.409.272.148
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	241.759.167.717	129.679.989.302
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.655.092.919.112	6.044.840.295.906
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	9.536.278.765.037	9.851.446.837.208
B	NGUỒN VỐN		
I	NỢ PHẢI TRẢ	1.263.370.506.959	1.626.497.743.119
1	Nợ ngắn hạn	1.242.347.284.527	1.605.270.669.387
2	Nợ dài hạn	21.023.222.432	21.227.073.732
II	VỐN CHỦ SỞ HỮU	8.272.908.258.078	8.224.949.094.089
1	Vốn chủ sở hữu	8.253.174.597.606	8.207.281.437.852
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5.730.266.050.000	5.730.266.050.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	1.734.745.821.197	1.734.745.821.197
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	788.162.726.409	742.269.566.655
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	19.733.660.472	17.667.656.237
	- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19.733.660.472	17.667.656.237
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	9.536.278.765.037	9.851.446.837.208

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Cho giai đoạn tài chính từ 01/01/2009 đến 30/09/2009	Cho giai đoạn tài chính từ 16/10/2007 đến 31/12/2008
1	Doanh thu hoạt động tài chính	774.448.017.315	1.073.225.178.477
2	Chi phí tài chính	(45.165.517.550)	(200.793.167.000)
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(103.232.217.905)	(124.625.847.888)
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	626.050.281.860	747.806.163.589
5	Lợi nhuận khác	17.282.900.904	26.282.770.272
6	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	643.333.182.764	774.088.933.861
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(24.579.385.327)	(95.702.054.767)
8	Hoàn thuế TNDN 04-2008	7.177.654.108	
9	Lợi nhuận sau thuế TNDN	625.931.451.545	678.386.879.094



TẬP ĐOÀN BẢO VIỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

III. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Cho giai đoạn tài chính từ 01/01/2009 đến 30/09/2009	Cho giai đoạn tài chính từ 16/10/2007 đến 31/12/2008
I	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	33.016.962	-
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(10.923.317.080)	(12.296.896.448)
3	Tiền chi trả cho người lao động	(33.816.131.663)	(39.892.626.154)
4	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(95.702.054.767)	(57.473.383.448)
5	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	357.895.508.585
6	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(5.122.996.405)	(656.735.688.849)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(145.531.482.953)	(408.503.086.314)
II	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(115.775.656.671)	(44.494.968.150)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21.922.000	338.429.472
3	Tiền chi đầu tư và góp vốn vào các đơn vị khác	(3.430.422.444.486)	(20.601.288.931.626)
4	Tiền thu hồi đầu tư và góp vốn vào đơn vị khác	4.122.504.852.687	20.302.210.390.389
5	Tiền thu lãi tiền gửi, trái phiếu, cổ tức và lợi nhuận được chia	85.255.831.791	648.513.281.571
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	661.584.505.321	305.278.201.656
III	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
1	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(128.726.605.000)	(4.298.059.929.476)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(128.726.605.000)	(4.298.059.929.476)
IV	LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	387.326.417.368	(4.401.284.814.134)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	56.469.344.503	4.458.641.566.083
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	4.926.565	(887.407.447)
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	443.800.688.436	56.469.344.502

IV. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Cho giai đoạn tài chính từ 01/01/2009 đến 30/09/2009	Cho giai đoạn tài chính từ 16/10/2007 đến 31/12/2008
1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	36,57	35,69
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	63,43	64,31
2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn			
- Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn	%	13,25	16,51
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng Nguồn vốn	%	86,75	83,49
3. Khả năng thanh toán			
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	2,81	2,19
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,81	2,19
4. Tỷ suất lợi nhuận			
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	80,82	63,21
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	6,56	6,89
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	%	7,57	8,25